

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 11 - 2021
V/v không công nhận quan hệ
vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK-TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Công Đạt.

2. Ông Y Mung Niê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:
Ông Mai Xuân Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2021/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021, về việc: *Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị L, sinh năm 1976.

Nơi ĐKKH: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ hiện nay: Buôn E1, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – **có mặt**.

2. Bị đơn: Anh Đào Hồng T, sinh năm 1971.

Địa chỉ ĐKKHTT: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Buôn E1, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt (anh T có đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2021, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ khi về

chung sống đến nay có nhiều quan điểm trái ngược nhau, dẫn đến mâu thuẫn, tranh cãi, không thể tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ khoảng tháng 10 năm 2018 đến nay thì chị L và anh T đã ở riêng, mỗi người một nhà, sinh hoạt, ăn uống riêng, cũng không còn quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống. Đến nay chị L thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh T.

Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Đào Phú Q, sinh ngày 20/01/2001, con đã đủ 18 tuổi nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con Đào Phan Minh C, sinh ngày 07/11/2013, chị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi vì thực tế con vẫn ở với chị L từ trước đến nay.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Đào Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, không thể tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Thực tế không còn chung sống từ năm 2018 đến nay, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị L thì anh T đồng ý.

Về con chung: Anh T, chị L có 02 con chung là Đào Phú Q, sinh ngày 20/01/2001, con đã đủ 18 tuổi nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con là Đào Phan Minh C, sinh ngày 07/11/2013, anh T đồng ý giao cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nên anh T không có ý kiến.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị L tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị L giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T, giải quyết về con chung, không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của

pháp luật tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh T.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu Đào Phan Minh C cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

- Đối với con chung là Đào Phú Q đã đủ 18 tuổi, đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh T không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng: Chị L và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, có đủ điều kiện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, nên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy việc nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu giải quyết thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Do vậy, chị L yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh T có 02 người con chung là Đào Phú Q, sinh ngày 20/01/2001, con đã đủ 18 tuổi, chị L và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét là phù hợp.

Đối với con là Đào Phan Minh C, sinh ngày 07/11/2013, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cũng đồng ý với yêu cầu của chị L và cháu C cũng có ý kiến được ở với chị L nên cần giao cháu Đào Phan Minh C cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu C đủ 18 tuổi là phù hợp quy định khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0003617 ngày 16/6/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Các Điều 235, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, các Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị L và anh Đào Hồng T.

- Về con chung: Giao con chung là Đào Phan Minh C, sinh ngày 07/11/2013 cho chị Phan Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được

cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có lý do chính đáng, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phan Thị L không yêu cầu anh Đào Hồng T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

- Đối với con chung là Đào Phú Q, sinh ngày 20/01/2001, đã đủ 18 tuổi, chị Phan Thị L và anh Đào Hồng T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị L và anh Đào Hồng T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Phan Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0003617 ngày 16/6/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân

